

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh;

Bà Phạm Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 231/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị T**, sinh năm 1994.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: KDC K, phường H, thành phố D, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Vương Văn V**, sinh năm 1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC K, phường H, thành phố D, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Nhật Bản.

Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Đinh Thị Th**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: KDC K, phường H, thành phố D, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, các bản khai, Nguyên đơn chị **Phan Thị T** trình bày: Chị và anh **Vương Văn V** được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân xã H, thành phố D, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/10/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, bất đồng và không thể nói chuyện được với nhau. Tháng 3 năm 2019 anh V đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu anh thỉnh thoảng liên lạc về cho chị nhưng sau đó anh không liên lạc nữa, kinh tế anh không gửi về cho chị để nuôi các con, anh cũng không có trách nhiệm với gia đình vợ con, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vương Văn Đ, sinh ngày 13/11/2013 và Vương Anh T1, sinh ngày 08/9/2015, hiện các con đang ở với chị và ông, bà nội. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, trường hợp anh V cũng có nguyện vọng được nuôi con thì chị đề nghị được nuôi con Vương Anh T1 và giao con Vương Văn Đ cho anh V nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh V không có mặt tại Việt Nam, chị nhất trí giao con Vương Văn Đ cho bà Đinh Thị Th chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đinh Thị Th (mẹ đẻ anh V) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh V ở nước ngoài nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên anh V vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại về gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh V biết. Thông qua gia đình, anh V có quan điểm và xác định không thể liú giữ được chị T nên anh nhất trí ly hôn và đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, trường hợp không được nuôi dưỡng cả hai con thì anh đề nghị được nuôi dưỡng con Vương Văn Đ, chị T nuôi dưỡng con Vương Anh T1, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam, anh ủy quyền cho bà nuôi dưỡng con chung và anh có trách nhiệm gửi tiền về để bà nuôi con cho anh. Về tài sản chung anh xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Th nhất trí nhận ủy quyền của anh V về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vương Văn Đ trong thời gian anh V không có mặt tại Việt Nam, bà không yêu cầu chị T, anh V phải có trách nhiệm cấp dưỡng. Ngoài ra bà Th xác định, anh V đi lao động ở nước ngoài đúng thời điểm xảy ra dịch bệnh Covid-19 nên anh không làm ăn được, không gửi tiền về cho vợ con, từ đó cứ mỗi lần anh V liên lạc về nhà là vợ chồng lại xảy ra to tiếng, cãi vã. Bà không mong muốn vợ chồng ly hôn nhưng chị T cương quyết xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T, anh V đăng ký kết hôn và cư trú thể hiện: Trong thời gian chung sống, anh V đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài đến nay chưa về nước, chị T và các con sống tại gia đình nhà chồng nhưng không được hòa thuận, vợ chồng mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị T có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải

quyết theo quy định của pháp luật sao cho phù hợp với quan điểm, nguyện vọng của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng Điều 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị T được ly hôn anh Vương Văn V. Về con chung: Giao con chung Vương Anh T1 cho chị T nuôi dưỡng và giao con chung Vương Văn Đ cho anh V nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tạm giao cháu Vương Văn Đ cho bà Đinh Thị Th nuôi dưỡng trong thời gian anh V ở nước ngoài. Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị T hiện đang sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Vương Văn V có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại khu dân cư K, phường H, thành phố D, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Nhật Bản. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh V ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần đề nghị gia đình anh V cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh V và gia đình đã thông báo cho anh V biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh V. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh V, bà Th vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Vương Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố D, tỉnh Hải Dương ngày 26/10/2012 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng hay xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Năm 2019, anh V đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nhưng không gửi tiền về cho chị để nuôi các con, mỗi lần anh liên lạc về nhà là vợ chồng lại xảy ra to tiếng, cãi vã, vợ chồng không hòa thuận và đã sống ly thân từ lâu, không ai quan

tâm đến ai. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V. Anh V ở nước ngoài nhưng thông qua gia đình cũng xác định không thể lưu giữ được chị T nên có quan điểm đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T được ly hôn anh V là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vương Văn Đ, sinh ngày 13/11/2013 và Vương Anh T1, sinh ngày 08/9/2015, hiện các con đang ở với chị và ông bà nội. Chị T có quan điểm được nuôi dưỡng con chung là Vương Anh T1, thông qua gia đình anh V có quan điểm được nuôi dưỡng con chung là Vương Văn Đ, đồng thời ủy quyền cho bà Th nuôi dưỡng con Vương Văn Đ trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam. Bà Th nhất trí nhận ủy quyền chăm sóc cháu Đạt cho anh V. Xét thấy, chị T nhất trí giao con Vương Văn Đ cho anh V nuôi dưỡng và nhất trí giao con Vương Văn Đ cho bà Th nuôi dưỡng trong thời gian anh V không có mặt tại Việt Nam. Anh chị tự nguyện không yêu cầu phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Vương Anh T1 cho chị T nuôi dưỡng, giao con chung Vương Văn Đ cho anh V nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi) là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; anh V, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh V không có mặt tại Việt Nam, giao cháu Vương Văn Đ cho bà Đinh Thị Th chăm sóc nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản, nợ chung: Chị T và anh V cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị T ly hôn anh Vương Văn V.

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho chị Phan Thị T chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con chung là Vương Anh T1, sinh ngày 08/9/2015 và xử giao cho anh Vương Văn V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vương Văn Đ, sinh ngày 13/11/2013 cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Anh V, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con chung Vương Văn Đ cho bà Đinh Thị Th chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh V không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0004557 ngày 22/10/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị T và bà Đinh Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Vương Văn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, thành phố D, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, Lưu VP, Lưu Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường
(Đã ký)